

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày 06/8/2020

“ V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thiện Tổ;

Bà Trần Thị Thanh Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 08/2020/TLST-HNGĐ ngày 30/3/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Tr, sinh năm 1995;

Trú tại: Thôn Phú Th, xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị.

Địa chỉ tạm trú: Số 54 Trần Quý C, khu phố Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1995;

Địa chỉ trước lúc xuất cảnh: Khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Địa chỉ hiện nay: Đang xuất khẩu lao động, làm việc tại Nhật Bản, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2020, nguyên đơn chị Võ Thị Tr trình bày:

Ngày 19/8/2014, chị Võ Thị Tr và anh Hoàng Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, chăm lo cuộc sống gia đình. Đến năm 2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh T ghen tuông vô cớ, thường xuyên xúc phạm và đánh đập chị Tr. Năm 2018, anh T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, hai vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống và anh T hay đe dọa, xúc phạm

đến chị Tr và gia đình của chị Tr. Vì vậy, chị Võ Thị Tr thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Hoàng Duy A, sinh ngày 18/7/2013. Chị Võ Thị Tr xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Duy A và yêu cầu anh Hoàng Văn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu A đến tuổi thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn T không có ý kiến trình bày gì.

Tại Biên bản làm việc ngày 03/7/2020, ông Hoàng Ch (là bố của anh Hoàng Văn T) có ý kiến như sau:

Sau khi kết hôn thì chị Tr ở nhà chồng hơn 1 năm, sau đó cả hai vợ chồng vào miền Nam làm ăn sinh sống. Đến năm 2017 thì chị Tr và anh T trở về lại Quảng Trị. Trong quá trình chung sống và sinh hoạt, anh Hoàng Văn T chưa bao giờ có việc đánh đập như chị Tr trình bày trong đơn xin ly hôn. Đến năm 2018 anh T làm hồ sơ đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Trong thời gian chị Tr ở nhà, qua thông tin của một số người thì gia đình được biết chị Tr đã có tình cảm và chung sống với người khác. Gia đình và anh T không có ý kiến gì về việc chị Tr yêu cầu xin ly hôn. Ông Ch đã nhận được Thông báo số 08/TB-TLVA ngày 30/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con giữa chị Tr với anh T. Gia đình đã gọi điện thoại và thông báo cho anh T biết việc chị Tr có đơn xin ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn vì cả hai không còn tình cảm với nhau. Về con chung: Chị Tr yêu cầu giao cháu Hoàng Duy A, sinh ngày 18/7/2013 cho chị Tr chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Hoàng Văn T có hộ khẩu trước khi xuất cảnh tại Khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Hiện nay, gia đình không biết được địa chỉ của anh T tại Nhật Bản, nhưng anh T và gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại hoặc qua Facebook.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên không thực hiện quyền, nghĩa vụ theo Điều 70, 72 BLTTDS; vụ án có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Tr với anh Hoàng Văn T là hợp pháp. Sau khi kết hôn giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cả hai không sống chung và liên lạc với nhau trong một thời gian dài, anh Hoàng Văn T hiện đang sinh sống tại Nhật Bản nên tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng không thể hàn gắn được. Vì vậy, đề nghị HĐXX căn cứ vào hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-

PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao và áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị Võ Thị Tr được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Duy A, sinh ngày 18/7/2013 cho chị Tr chăm sóc nuôi dưỡng và buộc anh Hoàng Văn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng cho đến khi cháu A đến tuổi thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Khi chị Võ Thị Tr nộp đơn xin ly hôn với anh Hoàng Văn T, thì anh T đang lao động tại Nhật Bản. Trước và sau khi thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Tr và gia đình anh T không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Nhật Bản, nhưng phía gia đình của anh T vẫn thường xuyên liên lạc với anh T qua điện thoại hoặc qua Facebook, nên được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc “*Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ*” để giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bố của anh T thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; gia đình cam đoan thông báo các văn bản tố tụng cho anh T biết, nhưng anh T không có bản trình bày ý kiến, không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được. Nguyên đơn chị Tr có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, anh Hoàng Văn T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 238 BLTTDS để xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Tr và bị đơn anh T.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Tr, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Tr và anh Hoàng Văn T là hợp pháp và thực hiện đầy đủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nguyên nhân ly hôn chị Tr cho rằng vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, ít liên lạc với nhau và không thể hàn gắn tình cảm. Thông qua gia đình thì anh T cũng đồng ý ly hôn với chị Tr. Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh T đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Tr được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

[2.2] Về con chung:

Chị Tr và anh T có 01 con chung tên là Hoàng Duy A, sinh ngày 18/7/2013, chị Tr yêu cầu giao cháu Hoàng Duy A cho chị Tr chăm sóc nuôi dưỡng và anh Hoàng Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử thấy: Việc giao con cho ai nuôi là đảm bảo quyền lợi của cháu Hoàng Duy A, hiện tại anh T đang xuất khẩu lao động ở nước Nhật Bản nên không có điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng cháu A. Mặt khác, theo nguyện vọng của cháu A được ở với mẹ. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình giao cháu Hoàng Duy A, sinh ngày 18/7/2013 cho chị Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi cháu A đến tuổi thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Võ Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Bị đơn anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 107, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 469, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Tr được ly hôn anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Duy A, sinh ngày 18/7/2013 cho chị Võ Thị Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Buộc anh Hoàng Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Duy A mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 8/2020 đến lúc cháu Hoàng Duy A đến tuổi thành niên.

Anh Hoàng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Võ Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000 đồng theo biên

lai thu tiền số 000702 ngày 25 tháng 3 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị Tr đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

5. Quyền kháng cáo: Chị Võ Thị Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Hoàng Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QTrị;
- Cục THADS tỉnh QTrị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tổ HCTP;
- UBND xã Mò Ó, huyện Đakrông;
- Lưu hồ sơ, VP Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hà